

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỚI THẠNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM HỌC 2021-2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỚI THẠNH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Huỳnh Ngọc Mừng	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Thị Nhí	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thu Nga	Chủ tịch Công đoàn	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Thùy Trang	Thanh tra Nhân dân	Thư ký Hội đồng	
5	Phan Thị Thanh Hương	Tổng phụ trách	Ủy viên Hội đồng	
6	Võ Thị Thu Trang	Bí thư Chi đoàn & Tổ trưởng 3	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thư ký Hội đồng	Ủy viên Hội đồng	
8	Lê Thị Hòa	Tổ trưởng khối 1	Ủy viên Hội đồng	
9	Lê Ngọc Duyên	Tổ trưởng khối 2	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Kim Hà	Tổ trưởng khối 4	Ủy viên Hội đồng	
11	Đoàn Thị Thùy Anh	Tổ trưởng khối 5	Ủy viên Hội đồng	
12	Lê Cảnh Hoa	Giáo viên bộ môn	Ủy viên Hội đồng	
13	Trịnh Thị Ngọc Hà	Văn thư	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Tổ trưởng văn phòng Nhân viên y tế	Ủy viên Hội đồng	
15	Nguyễn Thị Phương Thảo	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	1
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	3
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	8
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	11
Mở đầu	11
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	12
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	14
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	16
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học	22
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	26
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	28
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	29
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	31
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	33
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	34
Mở đầu	34
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	35
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	37
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	39
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	41
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	43
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục	44
Mở đầu	44

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập	45
Tiêu chí 3.2: Phòng học	46
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị	49
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	50
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	52
Tiêu chí 3.6: Thư viện	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	56
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	62
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường	64
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	66
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	68
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học	70
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục	72
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	74
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	75
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x		-
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x		-
Tiêu chí 1.8		x		-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x		-
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	-
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Thới Thạnh

Tên trước đây: Trường Phổ thông cấp 1 Thới Thạnh

Cơ quan chủ quản: Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn

Thành phố	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Huỳnh Ngọc Mừng
Huyện	Hóc Môn	Điện thoại	0918181861
Xã	Đông Thạnh	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	http://ththoithanh.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường	1996	Số điểm trường	03
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 1	06	06	02	04	10
Khối lớp 2	04	05	06	02	04
Khối lớp 3	05	04	05	06	02
Khối lớp 4	04	05	04	05	06
Khối lớp 5	05	04	05	04	05
Cộng	24	24	22	21	27

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	17	17	17	17	26	
1	Phòng học	16	16	16	16	18	
a	Phòng kiên cố	16	16	16	16	18	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	0	0	0	0	06	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	06	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	01	01	01	01	01	
a	Phòng kiên cố	0	0	01	01	01	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	01	01	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	03	03	03	03	03	
1	Phòng kiên cố	03	03	03	03	04	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	01	01	01	01	04	
	Cộng	22	22	22	22	33	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 05 năm 2022

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	0	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Giáo viên	28	26	01	0	5	23	
Nhân viên	10	07	0	0	10	0	
Cộng	40	34	01	0	15	24	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số giáo viên	31	30	29	28	28
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,29	1,25	1,32	1,33	1,03
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,03	0,03	0,03	0.03	0.02
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	02	0	01	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	02	0	0
6	Các số liệu khác	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1	Tổng số học sinh	1110	1149	986	925	1190
	- Nữ	534	562	478	455	579

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
	- Dân tộc thiểu số	18	18	14	10	17
	- Khối lớp 1	233	288	82	170	445
	- Khối lớp 2	193	228	269	82	165
	- Khối lớp 3	248	187	225	271	91
	- Khối lớp 4	216	242	179	226	266
	- Khối lớp 5	220	204	231	176	223
2	Tổng số tuyển mới	220	284	78	169	445
3	Học 2 buổi/ngày	396	480	465	488	846
4	Bán trú	396	480	465	451	789
5	Nội trú	0	0	0	0	0
6	Bình quân số học sinh/lớp học	47	48	45	44	45
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	1051/1110 (94,7%)	1105/1149 (96,2%)	974/986 (98,8%)	885/925 (95,7%)	1140/1190 (95,8%)
	- Nữ	480	545	476	455	580
	- Dân tộc thiểu số	12	14	04	10	17
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	0	0	0	0	0
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	02	02	05	10	13
	- Nữ	01	01	02	03	03
	- Dân tộc	0	0	0	01	01
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
12	Khuyết tật	03	04	05	04	01
13	Lưu ban	15	08	10	14	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	98,6%	99,3%	99,0%	98.5%	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Thới Thạnh, huyện Hóc Môn đổi tên từ Trường Phổ thông cấp 1 Thới Thạnh theo Quyết định số 75/QĐ-UB-TH ngày 27 tháng 3 năm 1996 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn và Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, là đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn.

Năm học 2021-2022, Trường Thới Thạnh được xây mới tọa lạc tại số 1468A, đường Đặng Thúc Vịnh, Ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn.

Khuôn viên trường khang trang, thoáng mát, nhà trường có đủ các phòng chức năng phục vụ cho việc dạy và học; có sân chơi cho học sinh. Tuy nhiên, trường còn trong tiến độ thi công nên năm học này chỉ mới tiếp nhận 18 phòng học đưa vào hoạt động dạy và học.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Huyện ủy – Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Đội ngũ cán bộ - giáo viên – nhân viên đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Đảng Trường Tiểu học Thới Thạnh, huyện Hóc Môn hoạt động dưới sự quản lý của Đảng ủy xã Đông Thạnh. Các đồng chí đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Học sinh có ý thức phấn đấu trong học tập và tham gia tích cực các phong trào. Bên cạnh đó, nhà trường luôn phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục tại đơn vị. Các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi mặt, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường để giáo dục học sinh, chi hội Khuyến học của nhà trường đã hỗ trợ học bổng, quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn để giúp các em học tập tốt hơn.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Trường Tiểu học Thới Thạnh huyện Hóc Môn đã từng bước cố gắng, khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ năm học. Trường Tiểu học Thới Thạnh, huyện Hóc Môn nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2020 – 2021, Công đoàn xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Chi đoàn xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được xếp loại Liên đội Mạnh. Tỷ lệ chiến sĩ thi đua, bằng khen Thành phố được duy trì, chất lượng giáo dục ngày được nâng cao. Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học duy trì 100%, Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học ngày càng được nâng cao.

Trường Tiểu học Thới Thạnh, huyện Hóc Môn luôn hướng tới mục tiêu là hoàn thành nhiệm vụ năm học, góp phần cùng địa phương trong thực hiện công tác phổ cập giáo dục. Sứ mạng của nhà trường là thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học, tạo uy tín với nhân dân về chất lượng giáo dục và phấn đấu đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá kiểm định chất lượng nhằm giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục nhằm thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Các văn bản hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng gồm:

Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

Quyết định số 03/QĐ-TTH ngày 03 tháng 01 năm 2022 của Trường Tiểu học Thới Thạnh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá của trường gồm 15 thành viên.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ như sau:

1. Từ ngày 03 tháng 01 năm 2021 đến ngày 26 tháng 01 năm 2022:

Họp liên tịch trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá.

Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Họp Hội đồng tự đánh giá để công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; dự thảo và ban hành kế hoạch tự đánh giá.

Triển khai kế hoạch tự đánh giá nhà trường.

2. Từ ngày 21 tháng 02 năm 2022 đến ngày 25 tháng 3 năm 2022: tổ chức thực hiện tự đánh giá.

Tổ chức hội nghị tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên có liên quan; dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá; các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được; lập bảng danh mục mã minh chứng; các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí và phiếu đánh giá tiêu chí mức 1.

Hội đồng tự đánh giá đề thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá; các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí và Phiếu đánh giá tiêu chí mức 1 với Hội đồng đánh giá tiêu chí mức 1, có chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng; thu thập, xử lý minh chứng bổ sung; dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung có liên quan; tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung; công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường; thu thập các ý kiến đóng góp cho dự thảo báo cáo tự đánh giá; bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến đóng góp; đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá; Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành.

Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ trường.

Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các minh chứng theo quy định.

Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.

3. Từ ngày 28 tháng 3 năm 2022 đến ngày 01 tháng 4 năm 2022:

Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá trước khi thực hiện việc báo cáo kết quả tự đánh giá của trường về Phòng giáo dục đào tạo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Tiểu học Thới Thạnh có cơ cấu tổ chức và quản lý của trường đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng: Hội đồng trường, Hội đồng tư vấn, Hội đồng thi đua khen thưởng. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các tổ chức đoàn thể trong trường gồm Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi

đồng. Các tổ chức này hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình trong các hoạt động.

Trường có 27 lớp, trong đó có 17 lớp học bán trú, 02 lớp học 2 buổi/ngày và 08 lớp học 01 buổi/ngày. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý, có giáo viên dạy bộ môn tiếng Anh. Sĩ số học sinh trung bình mỗi lớp là 45 học sinh/lớp. Mỗi lớp đều có Ban cán sự lớp.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có nề nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025; đồng thời, chiến lược này phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông nói chung và mục tiêu giáo dục ở cấp tiểu học nói riêng được quy định tại Luật Giáo dục; mục tiêu của trường hướng đến việc nâng cao chất lượng, uy tín trong giảng dạy, giáo dục và hội nhập; chú trọng phát triển đức, trí, thể, mỹ cho học sinh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; chiến lược được xây dựng theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trên cơ sở nguồn lực của trường [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Nội dung chiến lược phát triển nhà trường được niêm yết công khai trên bản tin trường, họp hội đồng sư phạm và trên trang thông tin điện tử của trường; đồng thời, trường thực hiện thông tin, báo cáo nội dung này đến cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể các cấp, Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-02].

Mức 2:

Trường xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường về nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên đủ trình độ năng lực chuyên môn đáp ứng theo yêu cầu; chú trọng kiểm tra, nâng cao chất lượng học sinh từng năm học [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]. Nhà trường chưa có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển thể hiện trong các kế hoạch từng năm học và báo cáo tổng kết từng năm học.

Mức 3:

Trường đã thực hiện việc rà soát, đánh giá kết quả thực hiện để từ đó có cơ sở bổ sung, điều chỉnh nội dung chiến lược của trường nhằm phù hợp với tình hình thực tế; công tác này chưa được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục và chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện với những nội dung phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định và trên cơ sở nguồn lực của trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa thực hiện thường xuyên việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; chưa tổ chức lấy ý kiến từ các thành viên trong Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch định kì, phối hợp tốt với các lực lượng giáo dục bên trong và ngoài trường thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chiến lược phát triển trên cơ sở tham mưu, đề xuất với Hội đồng trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kì 2021-2025 được thành lập theo số 1078/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn với 11 thành viên; số lượng và thành phần cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường được đảm bảo theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 10 Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-01].

Hội đồng tư vấn do Hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học gồm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn và Tuyên truyền viên pháp luật [H1-1.2-02].

b) Hội đồng trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ trường tiểu học; các hoạt động, kế hoạch, chủ trương của trường đều được các thành viên trong hội đồng thảo luận và thông qua, thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với tất cả hoạt động của trường [H1-1.2-03]. Các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định; tham mưu, đề xuất, giúp việc cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan theo quy định tại Điều 24 Điều lệ trường tiểu học; Hội đồng thi đua, khen thưởng của trường được hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học với thành phần quy định tại Khoản 1 Điều 12 Điều lệ trường tiểu học; Hội đồng thi đua, khen thưởng hoạt động hiệu quả, thúc đẩy được hoạt động chuyên môn của nhà trường trong các phong trào chuyên môn như giáo viên giỏi, phong trào thi đua yêu nước,... và các hội thi của học sinh [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của Hội đồng trường được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Điều lệ trường tiểu học; định kì hằng quý, hội đồng tổ chức họp để đánh giá kết quả lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ của trường; đồng thời, triển khai chỉ đạo, lãnh đạo việc thực hiện các nhiệm vụ sắp tới; đa số các thành viên đều tham gia đóng góp ý kiến giúp cho hội đồng đưa ra được những quyết nghị chỉ đạo sát sao việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường; hoạt động của các hội đồng khác thực hiện tốt việc đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ được giao [H1-1.2-03].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác của trường được bảo đảm, góp phần cùng đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục chung [H1-1.1-03].

Tất cả các hoạt động, nội dung có liên quan đến nhà trường đều được báo cáo với Hội đồng trường để các thành viên thảo luận và thông qua công khai, minh bạch [H1-1.2-03]. Tuy nhiên, trong Hội đồng trường còn một vài thành

viên chưa đóng góp nhiều ý kiến đề xuất để hoạt động nhà trường ngày một tiến bộ hơn

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trường thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trường thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng và Hội đồng tư vấn với số lượng thành viên và cơ cấu theo đúng quy định nhằm giúp việc cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan.

3. Điểm yếu

Một vài thành viên trong Hội đồng trường chưa đóng góp nhiều ý kiến đề xuất để hoạt động nhà trường ngày một tiến bộ hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Vào đầu của mỗi năm học, Chủ tịch Hội đồng thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Hội đồng trường và các hội đồng khác.

Trong các buổi họp, chủ tọa gợi ý nội dung cần thảo luận, tạo không khí dân chủ, vui vẻ để khuyến khích các thành viên của Hội đồng trường mạnh dạn phát biểu, đề xuất ý kiến của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường có đầy đủ các tổ chức chính trị và xã hội theo Điều 09, Điều lệ trường tiểu học: Công đoàn có 40 công đoàn viên, Ban chấp hành công đoàn có 03 người gồm 01 Chủ tịch và 02 Ủy viên (gồm 1 Trưởng Ban nữ công và 1 Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra) [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường có 11 đoàn viên, Ban chấp hành Chi đoàn có 03 người gồm 01 Bí thư, 01 Phó bí thư và 01 ủy viên [H1-1.3-02].

Tổ chức Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh có 580 đội viên, Ban chỉ huy Liên đội có 05 đội viên gồm 01 Liên đội trưởng, 02 Liên đội phó và 02 ủy viên [H1-1.3-03]; Sao Nhi đồng có 610 nhi đồng [H1-1.3-04].

Ban chấp hành Chi hội Khuyến học Trường Tiểu học Thới Thạnh hoạt động với tổng số hội viên là 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên.

b) Các tổ chức đoàn thể thực hiện việc sinh hoạt, hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ; tham gia cùng chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại trường; các tổ chức đoàn thể tích cực tổ chức các hoạt động, phong trào nhằm thu hút đông đảo giáo viên, học sinh tham gia; tuy nhiên, vẫn còn một số hoạt động chưa được chú ý thực hiện, quan tâm đầu tư đúng mức nên dẫn đến kết quả thực hiện còn hạn chế [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

c) Hằng năm, các hoạt động của các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá những mặt đạt được và hạn chế vào cuối năm học, từ đó đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tới [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Thới Thạnh là Chi bộ có cấp ủy; số đảng viên đang sinh hoạt tại Chi bộ là 11 đồng chí, 11/40 người biên chế, chiếm tỷ lệ 27,5% tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.3-08].

Chi bộ trường thực hiện việc sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng theo Điều lệ Đảng; Chi bộ luôn thực hiện tốt nhiệm vụ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; đồng thời, thực hiện công tác chỉ đạo, định hướng các hoạt động của chính quyền và các tổ chức đoàn thể theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của ngành và của địa phương [H1-1.3-09].

Từ năm 2017 đến năm 2018, Chi bộ được Đảng ủy xã Đông Thạnh huyện Hóc Môn đánh giá “Chi bộ Trong sạch vững mạnh”; năm 2019 đến nay “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-10].

b) Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức như đóng góp các loại quỹ xã hội, tổ chức hoạt động ngày Quốc tế phụ nữ 8 tháng 3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20 tháng 10,... [H1-1.3-11].

Ngoài ra, Chi đoàn giáo viên và Liên đội trường đã phối hợp xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động phong trào thiếu nhi trong giáo viên, học sinh như ngày Hội nuôi heo đất, Phong trào Nụ cười hồng, An toàn giao thông,... [H1-1.3-12].

Mức 3:

a) Chi bộ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm 2017 đến năm 2018; năm 2019 đến nay “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-10].

b) Từ năm học 2017 - 2018 đến nay, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường: từ năm 2015 đến 2019 Công đoàn cơ sở đạt danh hiệu “Công đoàn Vững mạnh xuất sắc” và từ năm 2019 đến nay đạt “Công đoàn Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; nhiều năm liền Chi đoàn đạt danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và Liên đội đạt danh hiệu

“Liên đội mạnh” H1-1.3-13]. Tuy nhiên lực lượng đoàn viên giáo viên ít nên hoạt động đoàn chưa nổi trội

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ chi bộ Đảng, các tổ chức đoàn thể và chi hội Khuyến học trong trường để phối hợp cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; phát huy được sức mạnh của tập thể và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của trường.

3. Điểm yếu

Lực lượng đoàn viên giáo viên ít nên hoạt động Đoàn chưa nổi trội.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng thêm lực lượng giáo viên trẻ để phối hợp hoạt động tích cực hơn. Phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của cá nhân trong các hoạt động có liên quan, Hiệu trưởng tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên có năng lực, năng nổ, nhiệt tình tham gia và giữ các chức vụ trong tổ chức đoàn thể.

Trong những năm học tới, Bí thư Chi bộ chỉ đạo Ban chấp hành Chi đoàn tập trung nâng cao chất lượng sinh hoạt, chú trọng khả năng thu hút, tập hợp đoàn viên, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đoàn viên. Bí thư Chi đoàn bám sát các hoạt động của nhà trường, phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực, hoàn cảnh của từng cá nhân trong các hoạt động có liên quan, tổ chức các hoạt động hợp lý để đoàn viên tham gia đầy đủ; nội dung rèn luyện đoàn viên phù hợp nhiệm vụ và đặc thù đơn vị, cụ thể hóa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với thực hiện nhiệm vụ được giao của từng đoàn viên; có hình thức khen thưởng, khuyến khích kịp thời để động viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Từ năm học 2017-2018, trường có hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng và từ năm 2019-2020 đến nay trường có hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Thông tư 16/2017 [H1-1.4-01].
- b) Trường có các tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 và tổ văn phòng; các tổ được thành lập và có cơ cấu theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Điều lệ trường tiểu học; mỗi tổ đều có tổ trưởng [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].
- c) Tổ chuyên môn sinh hoạt 02 tuần/lần; mỗi tổ đều có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng và nội dung công việc trọng tâm trong tuần [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; các tổ chuyên môn khi sinh hoạt, thực hiện chuyên đề thao giảng đều có ghi biên bản vào sổ họp tổ [H1-1.4-06].

Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ trường tiểu học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục [H1-1.4-05]; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ

theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-07]; tham gia thực hiện đánh giá, xếp loại viên chức và đánh giá, xếp loại giáo viên theo Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng [H1-1.4-10], có xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ và kế hoạch của bộ phận (kế toán, y tế, văn thư) nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.4-05]; giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia thực hiện đánh giá, xếp loại viên chức [H1-1.4-09]; lưu trữ hồ sơ của trường đầy đủ [H1-1.4-11].

Mức 2:

a) Thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, hằng năm trường có tổ chức các chuyên đề chuyên môn nhằm giúp giáo viên nâng cao chất lượng dạy và học (năm 2017-2018 thực hiện 13 chuyên đề, năm 2018-2019 thực hiện 14 chuyên đề, năm 2019-2020 thực hiện 11 chuyên đề; năm học 2020-2021 thực hiện 10 chuyên đề; năm học 2021-2022 thực hiện 08 chuyên đề); nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy, giáo dục, các tổ chuyên môn đã thực hiện tốt chuyên đề chuyên môn của tổ trong mỗi năm học [H1-1.4-12].

b) Các tổ đều thực hiện tốt việc thực hiện đánh giá, điều chỉnh hoạt động chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ của trường; từ đó, các hoạt động đã có đóng góp tích cực cho hoạt động của trường [H1-1.1-03]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-10].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn đạt hiệu quả chưa cao trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-03].

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được tổ chức định kì nhưng kết quả chuyên môn vẫn còn hạn chế. Hằng năm, các khối lớp vẫn còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học [H1-1.4-13].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; các kế hoạch đề ra cụ thể, rõ ràng thuận tiện cho việc thực hiện các hoạt động giáo dục một cách toàn diện.

3. Điểm yếu

Các hoạt động của tổ chuyên môn chưa đạt hiệu quả cao trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên tham gia tốt các hoạt động, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn; đầu năm học phân công nhiệm vụ tổ trưởng chuyên môn theo dõi các hoạt động của tổ, đẩy mạnh các nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ theo hướng nghiên cứu bài học; cuối mỗi học kỳ đánh giá hoạt động của các tổ chuyên môn;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 theo quy định cấp tiểu học [H1-1.5-01].

b) Mỗi lớp học đều có Ban cán sự lớp với 01 lớp trưởng và 02 lớp phó; các lớp được chia thành các tổ học sinh, mỗi tổ đều có tổ trưởng và tổ phó nhằm thúc đẩy các hoạt động học tập và phong trào của lớp để đạt hiệu quả cao. Các lớp học trong nhà trường được tổ chức đúng quy định, đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường tiểu học nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổ chức các hình thức hoạt động dạy và học theo định hướng đánh giá phát triển năng lực học sinh [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Trường đảm bảo nguyên tắc tự quản, dân chủ tại các lớp học; tất cả mọi hoạt động của lớp đều được thực hiện công khai, minh bạch [H1-1.5-02].

Mức 2:

a) Năm học 2021-2022, trường có 27 lớp với 10 lớp 1, 04 lớp 2, 02 lớp 3, 06 lớp 4 và 05 lớp 5 [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03].

b) Năm học 2021-2022, tổng số học sinh là 1190 học sinh; sĩ số bình quân của mỗi lớp là 45 học sinh, vượt quá so với quy định là 35 học sinh/lớp theo Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01].

c) Trường có chú ý việc tổ chức các lớp học với số lượng học sinh đồng đều nhau nhằm đảm bảo tính linh hoạt và phù hợp khi tổ chức các hoạt động của trường [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh/lớp (bình quân 45 học sinh/lớp) chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Điều lệ Trường tiểu học (bình quân 35 học sinh/lớp).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn về việc phân tuyến tuyển sinh lớp 1 nhằm giảm sĩ số học sinh trong một lớp theo đúng quy định, đồng thời thúc đẩy tiến độ công trình xây dựng trường mới sớm hoàn tất theo kế hoạch dự án.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường và được cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ, chính xác như: Sổ đăng bộ [H1-1.6-01] lưu trữ đầy đủ học bạ của học sinh [H1-1.6-02], sổ họp Hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.1-02], sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-03], sổ công văn đến [H1-1.6-04], sổ công văn đi [H1-1.6-05].

b) Nhà trường luôn đảm bảo việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, cơ sở vật chất; công khai, định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo đúng quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường xây dựng hàng năm, có sự công khai, thống nhất ý kiến trong Hội nghị cán bộ công

chức, viên chức và người lao động; bổ sung, cập nhật thường xuyên, phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định hiện hành [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

Trường thực hiện các nội dung công khai theo quy định Thông tư số 36/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.” Hình thức công khai trên bản tin, trong họp hội đồng sư phạm [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

c) Trường thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài chính được giao; thực hiện việc tu bổ mua sắm cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-03]; [H1-1.6-10].

Mức 2:

Từ năm học 2017 -2018 đến nay, nhà trường ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo phần mềm quản lý tài sản, phần mềm bảo hiểm xã hội, phần mềm quản lý cán bộ - công chức viên chức, phần mềm kế toán Imas, sử dụng dịch vụ chuyển tiền lương bằng internet banking của Ngân hàng Sacombank, thực hiện thanh toán trực tuyến bằng dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước [H1-1.6-11].

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2017-2018 đến nay, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện đầy đủ các quy định trong việc quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2022, Hiệu trưởng tham khảo ý kiến của Hội đồng trường xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thông qua việc bồi dưỡng thường xuyên và thực hiện chuyên đề [H1-1.4-12]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phân công, sử dụng đúng chuyên môn, nghiệp vụ, rõ ràng, hợp lý, phù hợp với đề án vị trí việc làm và tình hình thực tế tại đơn vị [H1-1.4-02]; [H1-1.7-03]. Việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên được thực hiện và công bố công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm đầu năm và trong năm học khi có điều chỉnh; nguyên tắc phân công dựa trên cơ sở năng lực của từng cá nhân, vì vậy tạo được sự đồng thuận cao, đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-03].

c) Cán bộ, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Trường tiểu học; trường tạo mọi điều kiện để giáo viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; cán bộ, giáo viên, nhân viên được học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, học tập tin học, ngoại ngữ; được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.4-12]; [H1-1.6-08].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá các hoạt động để làm cơ sở cho sự phân công, điều chỉnh cá nhân thực hiện; qua đó, nhà trường phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, trường còn một vài giáo viên lớn tuổi, thiếu năng động và sáng tạo trong công việc.

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và nhân viên, đảm bảo quyền lợi chính đáng theo quy định của pháp luật.

3. Điểm yếu

Còn một số giáo viên, nhân viên lớn tuổi hạn chế về năng lực, sở trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn tăng cường giám sát, kiểm tra, tư vấn thúc đẩy giáo viên, nhân viên lớn tuổi phát huy tốt năng lực, sở trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đề ra kế hoạch giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; quản lý học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học; các kế hoạch được xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy định, điều kiện tại địa phương và tình hình thực tế của trường [H1-1.1-04].

b) Trường có thực hiện kế hoạch giáo dục hàng năm, quản lý tốt các hoạt động giáo dục, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cá nhân, bộ phận trong phiên họp đầu năm [H1-1.4-02]; [H1-1.8-01]. Tuy nhiên, việc thực hiện một số nội dung trong kế hoạch giáo dục của một vài bộ phận còn chậm so với tiến độ đề ra.

c) Trường thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động, đánh giá rút kinh nghiệm trong phiên họp Hội đồng sư phạm, trong sinh hoạt chuyên môn hằng tháng [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

Hằng năm, trường có thực hiện công tác kiểm tra nội bộ với đầy đủ kế hoạch các lần kiểm tra, đảm bảo đúng quy chế chuyên môn [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế và tình hình của trường nhằm quản lý tốt hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện một số nội dung trong kế hoạch giáo dục của một vài bộ phận còn chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn thường xuyên rà soát, tăng cường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục, đảm bảo thực hiện kế hoạch đúng tiến độ và hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; tất cả mọi hoạt động, nội dung có liên quan đều được đưa ra thảo luận công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và các cuộc họp Hội đồng sư phạm; toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đều được biết và tham gia đóng góp ý kiến, bàn bạc, thống nhất [H1-1.1-02]; [H1-1.9-01]. Tuy nhiên ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa cao, chưa tập trung vào những vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

b) Trong thời gian qua, trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ, đảm bảo nghiêm túc việc triển khai và thực hiện nội dung này tại trường [H1-1.6-08]; [H1-1.9-03].

Mức 2:

Trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả thông qua các hình thức giám sát, kiểm tra: thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân của nhà trường. Thông qua kiểm điểm công tác tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ và thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức từng năm học và thông qua ban kiểm tra nội bộ của nhà trường. Nhà trường tạo mọi điều kiện để Ban thanh tra nhân dân thực hiện tốt, các hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được tiến hành thường xuyên và có báo cáo hằng năm [H1-1.6-09].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ tại cơ sở. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa cao, chưa tập trung vào những vấn đề cần thiết cho sự phát triển nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ học kỳ 2, năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị. Hiệu trưởng tạo điều kiện, nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc tham gia góp ý xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-01]; phương án xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng tránh các hiểm họa thiên tai [H1-1.10-02]; kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học [H1-1.10-03]; kế hoạch phòng chống dịch bệnh và HIV/AIDS [H1-1.10-04]; kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-05].

b) Nhà trường việc xây dựng các kênh để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh từ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và người dân; thông tin về số điện

thoại, địa chỉ thư điện tử của Ban giám hiệu được công khai trên trang thông tin điện tử của trường và hộp thư góp ý [H1-1.10-06].

Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương; phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường, không có dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm xảy ra [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

c) Thường xuyên giáo dục lối sống đạo đức cho học sinh, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.10-07].

Mức 2:

a) Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch nhằm phổ biến, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về những vấn đề như đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm,... [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-09]. Tuy nhiên cơ sở 1 và cơ sở 2 của trường tọa lạc trên tuyến đường Đặng Thúc Vịnh (tuyến đường đang thi công), đường chật hẹp, xe tải lưu thông thường xuyên, sân trường nhỏ, một số phụ huynh đậu xe trên đường không đúng vị trí quy định nên đôi khi bị ùn tắc giao thông trước cổng trường.

b) Cán bộ quản lý thực hiện tốt công tác lãnh đạo, thường xuyên kiểm tra nhằm thu thập, đánh giá để đề ra các biện pháp xử lý những vấn đề có liên quan, nhất là các vấn đề về bạo lực học đường, an ninh trật tự,... đồng thời, nhà trường có cơ chế phối hợp chặt chẽ với công an địa phương và các lực lượng giáo dục ngoài trường để kịp thời nắm bắt thông tin và đề ra biện pháp xử lý [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

2. Điểm mạnh

Tình hình an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được đảm bảo trong nhiều năm qua.

Nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn về An ninh trật tự trường học và Đơn vị văn hóa.

3. Điểm yếu

Trường tọa lạc trên tuyến đường Đặng Thúc Vịnh- đoạn đường trước cổng trường chật hẹp, lưu lượng xe qua lại nhiều, xe tải lưu thông thường xuyên, đa phần phụ huynh chạy xe trái chiều (băng ngang qua cổng trường) nên đôi khi bị ùn tắc giao thông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022, Hiệu trưởng bố trí lịch giờ về của các khối lớp; chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm chú ý, quan sát, theo dõi học sinh trong giờ chơi và giờ về; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh đội mũ bảo hiểm cho con em khi tham gia giao thông trong các cuộc họp và trong các buổi sinh hoạt chào cờ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện với những nội dung phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định và trên cơ sở nguồn lực của trường.

Trường có đầy đủ Chi bộ Đảng, các tổ chức đoàn thể và chi hội Khuyến học trong trường để phối hợp cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; phát huy được sức mạnh của tập thể và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của trường.

Trường thực hiện tốt các quy định trong việc quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản; đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và nhân viên; đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ tại cơ sở.

Điểm yếu cơ bản:

Công tác đánh giá, rà soát để thực hiện bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.

Tỷ lệ học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Điều lệ Trường tiểu học (bình quân 45 học sinh/lớp).

Đoạn đường trước cổng trường đôi khi bị ùn tắc giao thông giờ ra về do đường hẹp có nhiều xe tải lưu thông, phụ huynh lại đi trái chiều.

Mức 1: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10

Mức 2: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/10

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/10

Mức 3: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 0/04

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/04

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý đạt trình độ đại học sư phạm, được bồi dưỡng về quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe, năng nổ, nhiệt tình, được tập thể nhà trường tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ trường tiểu học.

Nhà trường có 100% giáo viên trình độ Cao đẳng trở lên. Giáo viên có tay nghề chuyên môn vững vàng, có tâm huyết với nghề. Đội ngũ nhân viên có đủ số lượng, được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu các công việc được phân công.

Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và của pháp luật. Các em thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường tiểu học:

Hiệu trưởng: Trình độ chuyên môn (Cử nhân tiểu học); quản lý (Chứng chỉ Bồi dưỡng Hiệu trưởng); chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên; trình độ Chính trị (Trung cấp chính trị); ngoại ngữ (tiếng Anh trình độ B); tin học (Đại học công nghệ thông tin); Hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 05 năm (từ năm 1989 đến năm 1994) thì được bổ nhiệm quản lý [H2-2.1-01].

Phó hiệu trưởng: Trình độ chuyên môn (Cử nhân tiểu học); quản lý (Cử nhân Quản lý giáo dục); chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên; trình độ Chính trị (Trung cấp chính trị); ngoại ngữ (tiếng Anh trình độ B); tin học (trình độ B); Phó hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 11 năm (từ năm 1992 đến năm 2003) thì được bổ nhiệm quản lý [H2-2.1-01].

b) Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2018-2019, Hiệu trưởng được tập thể đánh giá chuẩn hiệu trưởng “Xuất sắc” và năm học 2019-2020 Hiệu trưởng được Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức “Khá”; Phó hiệu trưởng được đánh giá “Xuất sắc” từ năm học 2017-2019 đến năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020 được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đánh giá chuẩn phó hiệu trưởng ở mức “Khá” [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều có trình độ trung cấp chính trị; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ trường tiểu học [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng mức Khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

b) Đội ngũ cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị theo quy định; có được sự tin tưởng, tín nhiệm cao từ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường [H2-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đạt chuẩn ở mức Khá trở lên, trong đó Hiệu trưởng có 04 năm được tập thể đánh giá Xuất sắc và năm 2019-2020 Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá mức Khá [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý có trình độ đạt chuẩn, đủ năng lực quản lý, đạt tiêu chuẩn theo quy định; được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng cho việc thực hiện nhiệm vụ tại trường.

3. Điểm yếu

Kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ (tiếng Anh) của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022, Hiệu trưởng phấn đấu thực hiện tốt hơn các tiêu chí đánh giá chuẩn hiệu trưởng để đạt mức đánh giá “Tốt” của chuẩn Hiệu trưởng tiểu học theo tinh thần Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng năng lực về giao tiếp ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2021-2022, số lượng giáo viên của trường là 28 người, trong đó giáo viên biên chế là 26 người, giáo viên hợp đồng có thời hạn là 02 người, đủ để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh do giáo viên kiêm nhiệm; nhân sự Tổng phụ trách Đội của nhà trường do giáo viên kiêm nhiệm, trong 05 năm tính đến thời điểm kiểm tra (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022) có 03 giáo viên kiêm nhiệm công tác Tổng phụ trách Đội do cứ cuối mỗi năm học, giáo viên làm công tác tổng phụ trách xin chuyển công tác sang trường khác, quận khác (01 giáo viên chuyển trường, 01 giáo viên nghỉ hộ sản) nên thiếu kinh nghiệm, công tác quản lý tổ chức các hoạt động Đội còn hạn chế, kết quả chưa cao [H1-1.7-03].

b) 100% giáo viên (gồm 23 giáo viên Đại học và 05 Cao đẳng) đạt chuẩn trình độ đào tạo quy định [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

c) Trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá giáo viên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học; trong các năm học, 100% giáo viên đạt loại Khá trở lên [H1-1.4-08]; [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Số lượng giáo viên đạt trình độ trên chuẩn (gồm Cao đẳng và Đại học) là 28/28 giáo viên, đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo luôn được duy trì ổn định và tăng dần trong những năm qua [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên luôn được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức Khá trở lên [H2-2.2-03]. Tuy nhiên, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của một số giáo viên còn hạn chế.

c) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật [H1-1.4-09].

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo 100% [H2-2.2-02].

b) Trong những năm qua, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức Khá trở lên [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn cao; 100% giáo viên được xếp loại Khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

3. Điểm yếu

Nhân sự nhà trường chưa mang tính ổn định do có nhiều trường hợp giáo viên chuyển và nghỉ thai sản theo chế độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức và tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn để đảm bảo tuyển đủ số lượng giáo viên, Tổng phụ trách Đội theo Đề án vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ nhân viên đáp ứng các nhiệm vụ được giao do Hiệu trưởng phân công gồm: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện - thiết bị, 03 nhân viên phục vụ, 03 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phụ trách y tế kiêm thủ quỹ, đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.3-01].

b) Các nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

c) Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; có ý thức kỷ luật, có tinh thần đoàn kết, ham học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm [H2-2.3-03].

Mức 2:

a) Trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-02]; [H2-2.3-01].

b) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp nhân viên bị xử lý kỷ luật [H1-1.4-09]; [H2-2.3-03].

Mức 3:

a) Trường có nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp Cao đẳng tài chính-ngân hàng; nhân viên y tế có bằng Trung cấp Y sĩ phục vụ tốt cho hoạt động giáo dục của nhà trường [H2-2.2-02]. Tuy nhiên nhân viên kiêm nhiệm thêm công tác (nhân viên kế toán kiêm nhiệm văn thư, nhân viên y tế kiêm nhiệm thủ quỹ) nên hiệu quả công tác kiêm nhiệm chưa cao.

b) Nhà trường chú ý đến việc tạo điều kiện thời gian, kinh phí để nhân viên tham gia các khóa tập huấn, lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc và vị trí việc làm [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm.

3. Điểm yếu

Tình hình nhân sự của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, nhân viên và giáo viên phải thực hiện công tác kiêm nhiệm. Nhân viên và giáo viên chưa có bằng cấp phù hợp với công tác kiêm nhiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức và tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn để đảm bảo tuyển đủ số lượng nhân viên theo đề án vị trí việc làm.

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo đội ngũ nhân viên duy trì hiệu quả công việc, tạo điều kiện, khuyến khích, động viên nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, hiệu trưởng cũng tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh của trường đảm bảo độ tuổi theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ Trường tiểu học (từ 6 đến 14 tuổi và tính theo năm); tuổi vào học lớp 1 là 06 tuổi; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 07 đến 09 tuổi, không có học sinh học sớm tuổi; năm học 2021-2022, toàn trường gồm có 1190 học sinh, trong đó có 01 học sinh khuyết tật [H1-1.5-01]; [H2-2.4-01].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh, nghiêm túc thực hiện nội quy của nhà trường đề ra, biết tự phục vụ, tự quản và hợp tác với các học sinh khác [H2-2.4-02]. Tuy nhiên, vẫn còn vài học sinh chưa có ý thức tốt trong thực hiện nội qui lớp học như tùy tiện ra khỏi lớp, tinh thần tự quản và hợp tác chưa cao.

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ trường tiểu học; học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện; các em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Nhà trường chú ý rèn luyện, giáo dục năng lực phẩm chất cho học sinh; các trường hợp học sinh vi phạm được giáo viên, nhà trường phát hiện kịp thời để có biện pháp giáo dục phù hợp [H1-1.1-03]; [H2-2.4-02].

Mức 3:

Trong tiết chào cờ đầu tuần (năm học 2021-2022 chào cờ tại lớp –do dịch Covid-19)), sinh hoạt tập thể, nhà trường thực hiện tốt việc nêu gương học sinh có thành tích học tập, rèn luyện tốt và khen thưởng kịp thời trong lễ sơ kết học kỳ 1 và lễ tổng kết cuối năm học để làm động lực cho những học sinh khác noi theo, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục chung của trường [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh được đảm bảo các quyền và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quy định về các hành vi học sinh không được làm.

3. Điểm yếu

Một vài học sinh chưa mạnh dạn phát biểu trước tập thể như chưa mạnh dạn xung phong trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài, nhận xét đánh giá bạn trong giờ học; thiếu tự tin trong giao tiếp như e dè, nói lí nhí, ít năng động trong sinh hoạt tập thể. Một số ít học sinh chưa thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường như đi học trễ (ngủ dậy muộn), bỏ rác không đúng quy định (thói quen vứt rác tùy tiện trên sân trường, học bàn).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; định hướng, tạo điều kiện cho học sinh tham gia rèn luyện thể lực, hoạt động tập thể thông qua câu lạc bộ thể dục thể thao và phong trào Đội để giúp các em mạnh dạn, tự tin hơn. Trong những lần sinh hoạt dưới cờ, Hiệu trưởng và Tổng phụ trách Đội thường xuyên nhắc nhở các em thực hiện nghiêm túc nội quy học sinh. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội tăng cường giáo dục đạo đức học sinh, rèn kỹ năng tự phục vụ, nhắc nhở thường xuyên về việc thực hiện 5 Điều Bác Hồ dạy thiếu nhi.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn, đủ năng lực quản lý, đạt tiêu chuẩn theo quy định; được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng cho việc thực hiện nhiệm vụ tại trường.

Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; tỷ lệ giáo viên đạt trình độ Đại học cao; 100% giáo viên được xếp loại Khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

Trường có đội ngũ nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm.

Trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và đúng quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm thêm công tác nên hiệu quả công việc ở vị trí kiêm nhiệm chưa cao.

Trường vẫn còn vài học sinh chưa có ý thức tốt trong thực hiện nội quy lớp học, tinh thần tự quản và hợp tác chưa cao.

Mức 1: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/04

Mức 2: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/04

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/04

Mức 3: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 0/04

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/04

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi phù hợp với điều kiện địa phương; có đủ các phòng học và chỗ ngồi cho học sinh. Trường có 02 khu vệ sinh riêng biệt dành cho giáo viên, nhân viên và 05 khu vệ sinh dành cho học sinh, có nơi để xe cho giáo viên; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại sổ sách theo quy định đối với thư viện.

Thiết bị giáo dục luôn đảm bảo, đồ dùng dạy học được trang bị đầy đủ. Ngoài ra, trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả. Hằng năm, trường có biện pháp duy trì, tăng cường

hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khuôn viên trường có diện tích là 2533m² ; trồng nhiều cây xanh đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh; [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên của trường có tường xây bảo vệ cao 02m; cổng trường và tường rào đảm bảo an toàn, thẩm mỹ, cổng trường có biển tên trường rõ ràng, đáp ứng theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Điều lệ trường tiểu học [H3-3.1-02].

c) Sân chơi cũng là sân tập thể dục cho học sinh có tổng diện tích là 4032m² [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Diện tích sân chơi của trường là 4032m²; thuận lợi tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh; học sinh có sân chơi thoải mái [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

b) Diện tích sân chơi, sân tập khá lớn nên thuận lợi cho học sinh trong giờ học thể dục và các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Sân trường có cây xanh che bóng mát tuy nhiên do mới trồng nên tán cây chưa phủ mát sân trường, đảm bảo thiết bị vận động cho học sinh; sân chơi, sân tập khá lớn đáp ứng nhu cầu của học sinh [H1-1.6-03]; [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên đẹp, gọn gàng, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có nhiều cây xanh và cảnh quang môi trường tốt.

3. Điểm yếu

Sân trường nắng do tán cây xanh chưa đủ lớn, phủ mát sân trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu với Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn và chính quyền địa phương giám sát, thúc đẩy tiến độ xây dựng các phòng học còn lại đúng dự án.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021 đến nay, trường còn 16 phòng học, trong đó có 10 phòng học với diện tích 48m^2 đúng theo quy định, dành cho học sinh học 2 buổi/ngày, 06 phòng học còn lại diện tích nhỏ dùng cho các lớp học 1 buổi/ngày; năm học 2021-2022, trường dời về điểm mới nên có 18/30 phòng học; các phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Mỗi phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế học sinh theo đúng tiêu chuẩn, có bàn ghế cho giáo viên theo quy định; bảng lớn trong mỗi phòng có màu xanh, kích thước là $1,2\text{m} \times 3,6\text{m}$; cách treo bảng trong lớp học được đảm bảo quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế [H1-1.6-03]; [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học cho giáo viên [H1-1.6-03]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Diện tích phòng học 61m^2 . Đối chiếu theo mục 5.2.3 TCVN 8793:2011 về diện tích phòng học được xác định với tiêu chuẩn $1,25\text{m}^2/\text{học sinh}$ và số lượng sĩ số học sinh hiện nay thì diện tích phòng học chưa đảm bảo theo quy định [H1-1.5-01].

b) Mỗi lớp học được trang bị 01 tủ đựng thiết bị dạy học nhằm bảo quản thiết bị dạy học cho giáo viên và học sinh [H3-3.2-02].

c) Nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng và màu sắc bàn ghế học sinh trong lớp [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường có các phòng chức năng như: tin học, ngoại ngữ, âm nhạc, mỹ thuật để hỗ trợ cho học sinh có năng khiếu.

2. Điểm mạnh

Trường trang bị phòng học và cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy, đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT.

Có phòng học bộ môn đáp ứng được yêu cầu học tập của học sinh như 2 phòng tin học 152m², 2 phòng ngoại ngữ 152m², phòng nghệ thuật 76m², phòng âm nhạc 76m², phòng đa năng 421m², có phòng riêng biệt để hỗ trợ học sinh khuyết tật 28m².

3. Điểm yếu

Diện tích phòng học so với số lượng học sinh và tiêu chuẩn TCVN 8793:2011 chưa đảm bảo.

Chưa đủ phòng học cho học sinh (18/30 phòng)

Không 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tham mưu đề xuất với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện trong công tác tuyển sinh nhằm giảm số lượng học sinh để đảm bảo diện tích bình quân cho mỗi học sinh trong thời gian chờ có trường mới (công trình xây dựng trường mới hoàn tất vào tháng 3/2022).

Trong năm học 2021-2022, Hiệu trưởng đã tận dụng các phòng chức năng để làm phòng học cho các lớp trong thời gian chờ công trình hoàn tất 30 phòng học theo dự án.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có phòng thiết bị giáo dục; có phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục; trường không có phòng học nghệ thuật và phòng học tin học [H3-3.2-02].

b) Khối phòng hành chính - quản trị của trường gồm có phòng hiệu trưởng 44m², phòng phó hiệu trưởng 28m², phòng hành chính 43m², phòng y tế 28m², phòng thiết bị 50m², phòng thư viện 316m², phòng bảo vệ 14m², phòng truyền thống 96m², phòng hội đồng 59m², phòng văn phòng 43m², phòng giáo viên 65m², kho 40m², các phòng đều trang bị các trang thiết bị tối thiểu để làm việc như bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy tính và các phương tiện khác [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.3-01].

c) Trường có khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên với diện tích 373m² được đặt ở vị trí thuận tiện; khu để xe an toàn, thực hiện tốt khâu bảo vệ trong việc bảo quản xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.3-02].

Mức 2:

a) Diện tích văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng bảo vệ đảm bảo theo quy định của TCVN 8793:2011 [H3-3.1-03].

b) Hồ sơ, tài liệu, các văn bản đều được lưu trữ cẩn thận trong tủ hồ sơ [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có chú ý trang bị đầy đủ các trang thiết bị cho khối phòng phục vụ học tập, hành chính - quản trị; đáp ứng việc hoạt động và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của nhà trường [H3-3.2-01]; [H3-3.3-03].

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Diện tích các phòng khối hành chính đảm bảo theo quy định.

Trường có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng ngoại ngữ đáp ứng các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Trường sử dụng phòng nghệ thuật, phòng tin học, nhà đa năng làm phòng dạy học (do thiếu phòng học - chờ công trình xây dựng hoàn tất)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, hiệu trưởng sắp xếp, bố trí lại các phòng chức năng để đáp ứng yêu cầu phục vụ cho hoạt động dạy học của nhà trường trong thời gian chờ công trình hoàn tất các phòng học còn lại theo dự án (dự án công trình trường mới sẽ hoàn tất vào tháng 7/2022).

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khu vệ sinh riêng cho học sinh nam, học sinh nữ và nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên; đảm bảo không ô nhiễm môi trường, luôn sạch sẽ và thuận lợi cho học sinh và học sinh khuyết tật học hòa nhập khi sử dụng [H3-3.4-01].

b) Trường sử dụng hệ thống nước máy do công ty cấp nước Trung An cung cấp; đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ cho ăn uống, nhu cầu sử dụng hàng ngày; đảm bảo an toàn vệ sinh; hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02].

c) Trường thực hiện tốt việc thu gom rác và xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường có bố trí địa điểm tập kết rác thải và thời gian thu gom rác hợp lý, đúng theo kế hoạch nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của trường [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Tổng diện tích khu vực vệ sinh là 182m² đảm bảo yêu cầu tại mục 5.6.2 của TCVN 8793:2011 về yêu cầu diện tích tối thiểu nhà vệ sinh cho học sinh; đồng thời, các yêu cầu khác về số lượng hố xí, chậu tiểu, bồn rửa cũng chưa đảm bảo với yêu cầu [H3-3.1-03].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước máy để rửa tay và khu vực nhà vệ sinh, sử dụng hệ thống nước giếng khoan tưới cây, thu gom và xử lý rác đáp ứng

theo quy định; hệ thống thoát nước chậm khi mưa xuống [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Trường có trang bị khu vệ sinh riêng cho nam, nữ phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo diện tích tối thiểu và số lượng các trang thiết bị vệ sinh cần thiết.

Nhà trường sử dụng nước máy.

Thu gom rác đảm bảo theo quy định và vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Do trường đang thi công nên chưa đảm bảo đủ khu nhà vệ sinh cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học, hiệu trưởng bố trí cho học sinh 3 lớp 1(ở tầng trệt) đi vệ sinh chung 1 khu vực dành cho nữ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng như máy tính kết nối mạng Internet, máy in, máy photocopy... phục vụ đầy đủ, kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý và giảng dạy; trường hiện có 08 ti vi, 01 bảng tương tác và 08 máy chiếu Projector; tất cả các phòng học đều có màn hình chiếu [H3-3.2-02]; [H3-3.3-03]; [H3-3.5-01].

b) Nhà trường có đủ các bộ thiết bị dạy học tối thiểu để phục vụ giảng dạy và học tập cho tất cả các khối lớp; số lượng, chất lượng đảm bảo quy định, được quản lý và sử dụng có hiệu quả [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, nhân viên thiết bị thực hiện tốt việc kiểm kê và có đề xuất với hiệu trưởng để thực hiện sửa chữa đồ dùng, thiết bị dạy học bị hư hỏng [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ mạng Internet cho hệ thống máy tính nhằm phục vụ công tác học tập và hỗ trợ hoạt động dạy học [H3-3.5-01]. Tuy nhiên trường chỉ có 05/8 máy chiếu Projector lưu động nên chưa đáp ứng nhu cầu dạy của nhiều giáo viên cùng lúc.

b) Trường có đủ thiết bị dạy học phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

c) Trên cơ sở thực hiện việc kiểm kê, đánh giá hiện trạng các thiết bị, nhân viên thiết bị lập kế hoạch mua sắm, bổ sung thiết bị, phương tiện dạy học [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Ngoài việc khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học được trang bị, trường khuyến khích giáo viên tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng

cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; các thiết bị, đồ dùng tự làm này cùng với thiết bị sẵn có đã góp phần nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong việc dạy học [H1-1.4-06]; [H3-3.5-03]; [H3-3.5-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và đủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhiều máy chiếu, ti vi để đáp ứng nhu cầu giảng dạy của giáo viên; giáo viên luân phiên sử dụng máy chiếu trong giảng dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng bố trí luân phiên máy chiếu cho các lớp; khuyến khích giáo viên sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học trong giảng dạy thường xuyên hơn.

Giáo viên lớp 1, 2 thường xuyên sử dụng học liệu điện tử.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu,

hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện có trang bị tủ đựng báo, sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện thiếu nhi,... đảm bảo phục vụ hoạt động dạy học cho giáo viên và học sinh sử dụng vào việc tham khảo và nghiên cứu [H3-3.6-01].

b) Thư viện có kế hoạch, nội dung hoạt động phù hợp, mở cửa thường xuyên đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; hằng năm, thư viện tổ chức các hội thi kể chuyện sách theo chủ đề, triển lãm trưng bày sách mới, vẽ tranh theo chủ điểm, kể chuyện Bác Hồ, ngày hội đọc sách, vận động học sinh đóng góp sách, truyện,... tạo sự phong phú, đa dạng cho hoạt động thư viện nhằm thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến đọc và tham khảo [H3-3.5-05]; [H3-3.6-02].

c) Nhân viên thư viện thường xuyên thực hiện kiểm kê, báo cáo số liệu đầu sách, báo, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo; thực hiện đề xuất trường trích ngân sách Nhà nước mua thêm sách, báo, truyện, tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo khác để bổ sung cho tủ sách thư viện [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện được đặt ở nơi thuận tiện nhằm phục vụ học sinh, giáo viên và nhân viên với diện tích phòng là 48m²; thư viện của nhà trường đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhiều năm liền, Thư viện của trường được công nhận đạt Thư viện trường học tiên tiến; tuy nhiên diện tích phòng thư viện nhỏ nên số lượng học sinh vào đọc sách còn hạn chế [H3-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Trường có thư viện và trang bị nhiều đầu sách báo phục vụ tối thiểu hoạt động dạy học, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Năm học 2021-2022, do thiếu phòng học nên nhà trường tạm mượn phòng thư viện làm phòng học giảng dạy (2 lớp học 1 buổi/ngày) nên số lượng học sinh vào thư viện đọc sách còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 nhà trường bố trí chỗ ngồi đọc sách trong thư viện, đủ chỗ ngồi đọc sách theo quy định.

Nhân viên thư viện tiếp tục bổ sung sách, báo, trang thiết bị cho thư viện.

Trong các tuần đầu tiên của mỗi tháng, nhân viên thư viện duy trì giới thiệu các tác phẩm văn học, truyện lịch sử, danh nhân Việt Nam.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có khuôn viên đẹp, gọn gàng, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có nhiều cây xanh và cảnh quang môi trường tốt; sân trường xanh, sạch, an toàn.

Trường trang bị phòng học và cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy, đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT.

Diện tích xây dựng công trình, diện tích sân chơi, sân tập đảm bảo theo yêu cầu của TCVN 8793:2011.

Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Diện tích các phòng khối hành chính đảm bảo theo quy định. Trường có phòng học bộ môn đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục.

Trường có trang bị khu vệ sinh phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; hệ thống cấp, thoát nước và thu gom rác đảm bảo theo quy định.

Nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường có thư viện và trang bị nhiều đầu sách báo phục vụ tối thiểu hoạt động dạy học, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Điểm yếu cơ bản:

Diện tích xây dựng công trình (phòng học) chưa đủ số lượng (18/30 phòng học).

Diện tích phòng học so với số học sinh chưa đảm bảo.

Số lượng bảng tương tác, máy chiếu, ti vi ít chưa đáp ứng nhu cầu của giáo viên dạy cùng lúc.

Mức 1: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/06

Mức 2: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/06

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/06

Mức 3: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 0/05

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 05/05

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Nhà trường luôn chấp hành theo sự lãnh đạo của Đảng ủy xã Đông Thạnh; phối hợp tốt với Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn, các đoàn thể của xã tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, từng lớp và được bầu ra vào đầu năm học; ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong năm học [H4-4.1-01].

c) Trên cơ sở kế hoạch và chương trình hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã tổ chức thực hiện các kế hoạch theo đúng tiến độ đã đề ra; trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh trong các

hoạt động; định kỳ 03 lần trong năm học, trường tổ chức họp với tất cả cha mẹ học sinh trong lớp; hằng tháng, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh thường xuyên trao đổi thông tin đầy đủ về tình hình học tập, đạo đức và các hoạt động khác của từng học sinh qua sổ liên lạc, điện thoại; cha mẹ học sinh có thể gặp gỡ trực tiếp giáo viên hoặc cán bộ quản lý khi có vấn đề thắc mắc cần trao đổi, chia sẻ sau giờ lên lớp [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02]; [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục cho học sinh của trường; hỗ trợ nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương, chính sách về giáo dục cho cha mẹ học sinh; huy động, vận động học sinh tích cực học tập; các hoạt động do Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung [H1-1.1-02]; [H4-4.1-02].

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn đi đầu trong việc đóng góp, chung tay cùng nhà trường thảo luận, đề ra các biện pháp để giúp học sinh của trường được hưởng các điều kiện giáo dục tốt nhất [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]. Tuy nhiên Ban đại diện cha mẹ học sinh ở vài lớp còn hạn chế đóng góp ý kiến; chưa phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm để trao đổi về hoạt động của lớp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có sự thống nhất kế hoạch và hoạt động hiệu quả.

Cha mẹ học sinh nhiệt tình, quan tâm đến các hoạt động của trường.

5. Điểm yếu

Ban đại diện Cha mẹ học sinh ở một số lớp còn chưa hoạt động đều tay nên còn ảnh hưởng đến hiệu quả phối hợp trong công tác chung.

5. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020-2021, hiệu trưởng tiếp tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường, của lớp thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ mật thiết giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, nhất là giữa giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh để tìm ra giải pháp chung trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh của năm học trước và giáo viên chủ nhiệm để lựa chọn những cha mẹ học sinh có uy tín, tâm huyết, nhiệt tình để hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh ngày càng hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, Ủy ban Nhân dân xã Đông Thanh về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển toàn diện nhà trường; hằng tháng, chi bộ, cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên báo cáo, trao đổi về kế hoạch và các biện pháp hoạt động giáo dục cụ thể của nhà trường với Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân xã Đông Thanh [H1-1.3-09]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường thực hiện tốt việc tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-04].

c) Nhà trường huy động sự hỗ trợ tự nguyện cả về tinh thần, vật chất của các tổ chức, cá nhân và nhất là của Ban đại diện cha mẹ học sinh để sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giáo dục học sinh, hỗ trợ học bổng cho học sinh [H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ; trước khi triển khai thực hiện các hoạt động tại trường, cán bộ quản lý nhà trường luôn thực hiện việc xin ý kiến chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động đã được thông qua nhằm đảm bảo tính thống nhất, lãnh đạo xuyên suốt từ cấp trên [H4-4.2-01].

b) Nhằm mục đích giáo dục học sinh toàn diện, trường đã thực hiện công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục về truyền thống, lịch sử, văn hóa,...Nhiều hoạt động của trường tổ chức đã thu hút đông đảo giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền còn hạn chế, chỉ tập trung vào lĩnh vực chuyên môn và cơ sở vật chất [H4-4.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn chỉ đạo của ngành, có phối hợp với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường thực hiện công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chỉ tập trung vào lĩnh vực chuyên môn và cơ sở vật chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu kịp thời, tranh thủ sự quan tâm, hỗ trợ các nguồn lực của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương và của cha mẹ học sinh cùng chăm lo cho chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng tốt hơn, xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương; huy động có hiệu quả các nguồn lực để chăm lo tốt cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có sự thống nhất kế hoạch và hoạt động hiệu quả.

Cha mẹ học sinh nhiệt tình, quan tâm đến các hoạt động của trường.

Nhà trường phối hợp tốt với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Ban đại diện cha mẹ học sinh ở vài lớp còn hạn chế đóng góp ý kiến, chưa phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm để trao đổi về hoạt động của lớp.

Nhà trường thực hiện công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chỉ tập trung vào lĩnh vực chuyên môn và cơ sở vật chất.

Mức 1: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/02

Mức 2: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/02

Mức 3: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 0/02

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, trường đã triển khai thực hiện các nội dung, chương trình giáo dục và có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và ngoài giờ lên lớp đạt hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục. Phối hợp tốt với chính quyền địa phương để thực hiện hiệu quả công tác Phổ cập giáo dục tiểu học. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục đáp ứng đúng yêu cầu của các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hàng năm, nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại học sinh theo đúng Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT đối với lớp 3,4,5 và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT đối với lớp 1 và lớp 2. Đối với những học sinh còn hạn chế về mức độ hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục và phát triển một số phẩm chất, năng lực, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức hướng dẫn, giúp đỡ học sinh trong quá trình học tập.

Nhà trường quản lý, tổ chức hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác như giáo dục đạo đức, rèn

kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho học sinh và an toàn trường học.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch hoạt động giáo dục, phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đối với lớp 3, 4, 5 đảm bảo yêu cầu cấp học đúng theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 và Công văn số 896/BGDĐT-GDTH ngày 13 tháng 02 năm 2006 về Hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh tiểu học và văn bản 3969/BGDĐT về điều chỉnh kế hoạch dạy học [H5-5.1-01].

b) Mỗi năm học, nhà trường thực hiện dạy đủ các môn học, đúng chương trình kế hoạch, đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức kỹ năng; nhà trường có kế hoạch và biện pháp cải tiến các hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục; căn cứ vào kế hoạch giáo dục và kế hoạch thời gian năm học, nhà trường cụ thể hoá các hoạt động giáo dục và hoạt động dạy học, xây dựng thời khoá biểu phù hợp với tâm, sinh lý lứa tuổi học sinh và điều kiện của địa phương [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

c) Kế hoạch hoạt động giáo dục của trường được xây dựng và gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyên môn đối với hoạt động của trường [H1-1.1-04]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường triển khai, phân công cho người phụ trách chuyên môn, bộ phận văn phòng cập nhật thường xuyên và kịp thời các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường được biết và thực hiện [H1-1.1-02]; [H1-1.6-04]; [H5-5.1-03]. Tuy nhiên một số giáo viên lớn tuổi còn chậm trong việc cập nhật, nắm bắt các quy định mới về chuyên môn.

b) Kế hoạch giáo dục, các quy định về chuyên môn của nhà trường được phổ biến, công khai đến giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng,... thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, sinh hoạt chuyên môn, họp cha mẹ học sinh và các buổi họp giao ban ở chính quyền địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân và tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch của nhà trường; nhà trường thực hiện việc niêm yết công khai nội dung, kế hoạch trong phòng Hội đồng để giáo viên theo dõi [H1-1.4-06]; [H4-4.1-02]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện bản thân.

3. Điểm yếu

Giáo viên lớn tuổi còn chậm trong việc cập nhật, nắm bắt các quy định mới về chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, hiệu trưởng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để việc thực hiện các báo cáo thống kê đúng tiến độ, tiếp tục duy trì việc phổ biến nội dung kế hoạch, chương trình hoạt động cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nắm và cùng nhà trường phối hợp thực hiện.

Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng hướng dẫn, giúp đỡ giáo viên lớn tuổi cập nhật, nắm bắt các quy định mới về chuyên môn kịp thời.

Hàng tháng, hiệu trưởng tăng cường kiểm tra các bộ phận và đơn đốc thực hiện đúng thời gian quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức và kỹ năng; xây dựng thời khóa biểu thực hiện đúng theo văn bản số 7312/BGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2009 [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

b) Trong những năm học vừa qua, trường đã triển khai đến các giáo viên việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức lớp học theo mô hình trường tiểu học mới phù hợp với từng đối tượng học sinh [H1-1.1-03]; [H1-1.4-12]; [H1-1.8-02].

c) Trường triển khai đến toàn thể giáo viên thực hiện quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo tinh thần Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT đối với lớp 1, lớp 2; Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra giáo viên về thực hiện đánh giá học sinh [H1-1.5-03]; [H1-1.1-02]; [H5-5.2-03].

Mức 2:

a) Trường luôn chú trọng việc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã đề ra; triển khai đến toàn thể giáo viên lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp; chú ý đến từng đối tượng để đạt được kết quả giáo dục tốt nhất [H1-1.4-12]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

b) Trường có kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo cho các tổ khối xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập; bồi dưỡng học sinh vào buổi dạy thứ hai (lớp bán trú) và trái buổi (lớp 1 buổi/ngày), phối hợp cùng với cha mẹ học sinh trong việc theo dõi, kiểm tra việc học của học sinh thông qua vở dẫn dò và sổ liên lạc [H1-1.4-06]; [H5-5.2-04].

Mức 3:

Hàng năm, trường có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh; tuy nhiên một số giáo viên lớn tuổi chưa vận dụng linh hoạt các kĩ thuật, phương pháp dạy học mới nên việc thực hiện đánh giá hiệu quả và điều chỉnh, bổ sung, thay đổi nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục của nhà trường còn hạn chế [H1-1.1-03]; [H1-1.4-12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, đảm bảo tính ổn định trong cả học kỳ, cả năm học.

3. Điểm yếu

Trong quá trình dạy học còn có giáo viên chưa đầu tư cao cho tiết dạy, lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức chưa phù hợp nên chưa khơi gợi và phát huy hết tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020-2021, cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch dự giờ giáo viên nhằm góp ý, tư vấn cho giáo viên phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Tổ trưởng, tổ phó chuyên môn tăng cường dự giờ kiểm tra vận dụng chuyên đề của giáo viên trong tổ để rút kinh nghiệm giúp giáo viên phát triển năng lực chuyên môn tốt hơn. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tăng cường việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;*
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*
- c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường có xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, có chương trình và phân công cụ thể; thực hiện đầy đủ các hoạt động ngoài giờ lên lớp như: hội thi vẽ tranh và làm lồng đèn nhân dịp Trung thu, hội thi kể chuyện sách, văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11, ngày hội ẩm thực, lễ giỗ Tổ Hùng Vương, trò chơi vận động, sinh hoạt chủ điểm các ngày lễ lớn trong năm, sinh hoạt chuyên đề về phòng chống dịch bệnh, phòng chống đuối nước, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại tình dục trẻ em, tham quan; năm học 2021-2022 do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên tạm ngưng tổ chức các hoạt động tập trung học sinh trong thời gian phòng chống dịch [H1-1.1-03]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

b) Tổ chức các hoạt động ngoài trời như trò chơi dân gian, trò chơi vận động trong các dịp lễ hội để tất cả học sinh được tham gia [H5-5.3-03]; trong các tiết học, giáo viên thường xuyên sử dụng các hình thức tổ chức lớp học đa dạng, phong phú nhằm tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo [H5-5.3-04].

Trường đã tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh theo từng chủ điểm như: thể dục giữa giờ, hội khỏe Phù Đổng, giáo dục vệ sinh răng miệng, kể chuyện sách, văn nghệ, vẽ tranh, học sinh dâng hương các di tích lịch sử địa phương trong ngày lễ Nam kỳ khởi nghĩa, tham quan khu di tích lịch sử [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

c) Tất cả các hoạt động đều thông báo rộng rãi và thu hút số lượng lớn học sinh đăng ký tham gia [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02]; [H5-5.3-03].

Mức 2:

Các hoạt động giáo dục được nhà trường tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo [H1-1.1-03]; [H1-1.8-02]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Trường thành lập các câu lạc bộ thu hút học sinh tham gia như câu lạc bộ cờ tướng, cầu lông, đá cầu, bóng đá; tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường tích cực tham gia các hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức được các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, Hiệu trưởng tăng cường công tác chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả hơn; hiệu trưởng tham khảo ý kiến của Hội đồng tư vấn và Ban đại diện cha mẹ học sinh để có kế hoạch tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh, sắp xếp thời gian tổ chức các hoạt động một cách hợp lý nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp cùng chuyên trách phổ cập xã chủ động thực hiện việc nắm bắt, thống kê tình hình học sinh đầu cấp, tuyên truyền để cha mẹ đưa con ra lớp đúng độ tuổi; qua đó nhà trường đã nắm được cụ thể về số liệu, thông tin phổ cập giáo dục trên địa bàn [H5-5.4-01].

b) Hàng năm, nhà trường kết hợp với chính quyền địa phương huy động, lập danh sách và tổ chức tiếp nhận 100% học sinh đúng độ tuổi theo quy hoạch trên địa bàn, theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn và Ủy ban Nhân dân xã Đông Thạnh; thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”; nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thành lập Ban tuyển sinh theo từng năm học [H1-1.1-04]; [H5-5.4-01].

c) Trường quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định; văn thư cập nhật học sinh lớp 1 vào sổ đăng bộ đầu năm học kịp thời [H1-1.6-01].

Mức 2:

Trong những năm qua, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đạt 100% [H5-5.4-01].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường phối hợp với Ủy ban Nhân dân xã Đông Thạnh để cập nhật học sinh 6 tuổi trên địa bàn và phối hợp chặt chẽ với Ban Nhân dân các ấp của xã Đông Thạnh vận động các em 6 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100%, lưu trữ hồ sơ đầy đủ [H5-5.4-01]. Tuy nhiên, trong địa bàn có nhiều hộ gia đình tạm trú, chuyển đi, chuyển đến nên công tác tuyển sinh đôi lúc chưa thực hiện theo đúng thời gian trong kế hoạch.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương như vận động, hỗ trợ kịp thời cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật nhằm hạn chế tỷ lệ lưu ban, bỏ học hằng năm.

Các đoàn thể, bộ phận, cá nhân được phân công nhiệm vụ có sự phối hợp thực hiện nghiêm túc, tích cực và có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trong địa bàn có nhiều hộ gia đình tạm trú, chuyển đi, chuyển đến nên công tác tuyển sinh đôi lúc chưa thực hiện theo đúng thời gian trong kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với địa phương, các cơ quan đoàn thể trên địa bàn rà soát, nắm bắt chính xác số liệu học sinh đúng độ tuổi để vận động ra lớp 1 kịp thời; đồng thời huy động các nguồn lực hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn đến trường; phát huy vai trò của các đoàn thể trong công tác phổ cập giáo dục tiểu học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;*
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;*
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, trường có thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm; các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định; năm học 2020-2021, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 98,5%, có 14 học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].
- b) Trong những năm học qua, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của nhà trường luôn đảm bảo là 100% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].
- c) Trường không có trường hợp học sinh quá 13 tuổi đang theo học tại trường [H1-1.6-01].

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua đạt trên 98% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].
- b) Hằng năm, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H1-1.6-01]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua luôn đạt trên 98% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo 100% [H1-1.6-01]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

3. Điểm yếu

Hằng năm, nhà trường vẫn còn vài học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo Phó hiệu trưởng và giáo viên thực hiện tốt công tác phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, học sinh cá biệt với các biện pháp thật khả thi, phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục học sinh, phối hợp chặt chẽ với phụ huynh tạo điều kiện học tập tốt nhất cho học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Kế hoạch chuyên môn của trường đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, quy định chuyên môn.

Nhà trường xây dựng thời khoá biểu, dạy đủ, đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường tích cực tham gia các hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức điều tra, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học.

Quan tâm, duy trì tốt công tác chăm lo và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt kết quả cao.

Điểm yếu cơ bản:

Trường còn có giáo viên lớn tuổi nên hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học tích cực; còn chậm trong việc cập nhật, nắm bắt các quy định mới về chuyên môn.

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh, vẫn còn số ít học sinh thụ động, chưa tích cực tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Trường còn vài học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

Mức 1: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/05

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/05

Mức 2: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/05

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/05

Mức 3: - Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 01/04

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 03/04

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Qua việc đối chiếu với tổng số 81 chỉ báo của 27 tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn theo quy định, Trường Tiểu học Thới Thạnh tự đánh giá như sau:

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt : 27/27 - Tỷ lệ: 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 0/27 - Tỷ lệ: 0%

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt : 17/27 - Tỷ lệ: 63,0%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 10/27 - Tỷ lệ: 37,0%

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt: 01/19 - Tỷ lệ: 5,3%

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 18/19 - Tỷ lệ: 94,7%

- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Thới Thạnh: Mức 1.

- Trường Tiểu học Thới Thạnh đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

Học Môn, ngày..... tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Ngọc Mừng

Phần IV
PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường	Giai đoạn 2016-2020 và 2020 -2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Sổ họp Hội đồng sư phạm nhà trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Báo cáo tổng kết năm học	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm học	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2017-2021 Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2025	QĐ 80/GDDT ngày 22/7/2017 QĐ 1078 /GDDT ngày 23/3/2021	-Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn - UBND huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.2-03]	Biên bản họp của Hội đồng trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hội đồng trường	Thư kí Hội đồng trường
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành Công đoàn	Nhiệm kì 2014-2019 Nhiệm kì 2019-2024	Công đoàn Giáo dục huyện Hóc Môn . Liên đoàn Lao động Hóc Môn	Chủ tịch CĐCS
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành Chi đoàn	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Đoàn xã Đông Thạnh	Bí thư chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban Chỉ huy Liên đội	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hội đồng Đội huyện Hóc Môn	Tổng phụ trách
	4	[H1-1.3-04]	Quyết định thành lập Sao Nhi đồng	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Tổng phụ trách
	5	[H1-1.3-05]	Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đến năm 2020	QĐ số 159/QĐ-UBND ngày 04/4/2018	UBND xã Đông Thạnh	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.3-06]	Báo cáo tổng kết Công đoàn trường	Năm học 2017-2018 đến	Công đoàn cơ sở	Chủ tịch công

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022	trường	đoàn cơ sở
	7	[H1-1.3-07]	Báo cáo tổng kết của Chi đoàn	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Chi đoàn	Bí thư chi đoàn
	8	[H1-1.3-08]	Quyết định chuẩn y Cấp ủy Chi bộ Trường Tiểu học Thới Thạnh	- Quyết định Bí thư, Phó bí nhiệm kỳ 2015-2017 và nhiệm kỳ 2017-2020. - Quyết định cấp ủy nhiệm kỳ 2020-2022.	Đảng ủy Xã Đông Thạnh	Bí thư chi bộ
	9	[H1-1.3-09]	Biên bản sinh hoạt Chi bộ	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Chi bộ	Bí thư chi bộ
	10	[H1-1.3-10]	Quyết định đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng	Năm 2017 đến Năm 2019.	Đảng ủy xã Đông Thạnh	Bí thư chi bộ
	11	[H1-1.3-11]	Hình ảnh hoạt động của Công đoàn	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Công đoàn cơ sở trường	Chủ tịch Công đoàn cơ sở
	12	[H1-1.3-12]	Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn, Liên đội	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Chi đoàn Liên đội	Bí thư chi đoàn Tổng phụ trách Đội
	13	[H1-1.3-13]	Kết quả phân loại Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Công đoàn cơ sở Chi đoàn	Chủ tịch Công đoàn cơ sở Bí thư chi đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
					Liên đội	Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng	- Số 19/QĐ-GDDT ngày 12/9/2014 và Số 4689/QĐ –UBND ngày 07/10/2019 - Số 195/QĐ-GDDT ngày 27/9/2013 và Số 5492/QĐ –UBND ngày 13/12/2018	UBND huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng, tổ phó tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Biên bản họp tổ chuyên môn	Năm học 2017-2018 đến	Tổ trưởng chuyên	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022	môn	
	7	[H1-1.4-07]	Sổ sử dụng thiết bị của giáo viên	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Giáo viên	Nhân viên Thư viện - thiết bị
	8	[H1-1.4-08]	Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ xếp loại công chức, viên chức	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	10	[H1-1.4-10]	Biên bản họp tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Tổ trưởng tổ văn phòng	Nhân viên văn thư
	11	[H1-1.4-11]	Biên bản kiểm tra hồ sơ học vụ	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	Nhân viên văn thư
	12	[H1-1.4-12]	Hồ sơ tổ chức các chuyên đề chuyên môn	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	13	[H1-1.4-13]	Quyết định học sinh ở lại lớp	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách học sinh các lớp có thông tin về năm sinh	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	2	[H1-1.5-02]	Biên bản bầu Ban cán sự lớp	Năm học 2017-2018 đến	Giáo viên	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022		
	3	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm giáo viên	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Giáo viên	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Học bạ	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Giáo viên	Nhân viên văn thư
	3	[H1-1.6-03]	Sổ quản lý tài sản; Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	4	[H1-1.6-04]	Sổ công văn đến	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	5	[H1-1.6-05]	Sổ công văn đi	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	6	[H1-1.6-06]	Dự toán, thu chi quyết toán, báo cáo tài chính, tài sản	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	7	[H1-1.6-07]	Biên bản kiểm tra tài chính	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phòng Tài chính huyện Hóc Môn	Nhân viên kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Văn kiện Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Ban chấp hành Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	9	[H1-1.6-09]	Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Ban Thanh tra nhân dân	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
	10	[H1-1.6-10]	Biên bản thanh lý tài sản	Năm học 2019 đến năm 2022	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	11	[H1-1.6-11]	Phần mềm kế toán	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hàng năm	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên của trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Đề án vị trí việc làm	Giai đoạn năm 2019 đến 2022.	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Quy chế chuyên môn	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H1-1.8-02]	Báo cáo Sơ kết Học kì I	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nội bộ	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.8-05]	Quyết định đánh giá tập thể nhà trường của cấp trên (danh hiệu thi đua của tập thể)	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	UBND huyện và UBND TP.	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.9-03]	Kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ của trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án phòng cháy và chữa cháy có ký duyệt của Cảnh sát phòng cháy chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh	Ngày 01/03/2022.	Phòng cảnh sát chữa cháy HM	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Nhân viên y tế
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm	Năm học 2017-2018 đến	Phó	Nhân viên y tế

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học	Năm học 2021-2022	hiệu trưởng	
	4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh và HIV/AIDS	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	6	[H1-1.10-06]	Trang thông tin điện tử trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng, giáo viên phụ trách	Phó hiệu trưởng, giáo viên phụ trách
	7	[H1-1.10-07]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự tại trường Tiểu học	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	8	[H1-1.10-08]	Quy chế phối hợp an ninh trật tự tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường	Năm học 2020 -2021 Năm học 2021-2022	Công an xã Đông Thạnh	Hiệu trưởng
	9	[H1-1.10-09]	Hồ sơ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Nhân viên y tế
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ Cán bộ công chức của Hiệu trưởng Hồ sơ Viên chức của Phó hiệu trưởng	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá, xếp loại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng hàng năm	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.1-03]	Bằng tốt nghiệp cử nhân tiểu học và giấy chứng nhận học lớp trung cấp chính trị		Trường ĐHSP Học viện Cán bộ TP HCM	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của giáo viên		Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên văn thư
	2	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	3	[H2-2.2-03]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn giáo viên (thống kê)	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định phân công nhân sự	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.3-02]	Văn bằng, chứng chỉ của nhân viên		Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	Nhân viên văn thư
	3	[H2-2.3-03]	Hồ sơ đánh giá xếp loại nhân viên hàng năm (thống kê)	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Danh sách và hồ sơ học sinh khuyết tật	Năm học 2019-2020; Năm học 2021-2022	Nhân viên văn thư	Nhân viên văn thư
	2	[H2-2.4-02]	Thống kê hạnh kiểm, phẩm chất năng lực học sinh	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Ảnh chụp khuôn viên có cây xanh trong trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp cổng trường, hình ảnh mặt trước của sảnh trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	3	[H3-3.1-03]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường		Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Biên bản kiểm kê tài sản	Năm 2017 đến năm 2022	Kế toán	Kế toán
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh lớp học, phòng làm việc các bộ phận	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng		Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khu vực nhà xe của giáo viên	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Văn thư
	3	[H3-3.3-03]	Sổ quản lý tài sản, tài chính	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Kế toán	Kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Sơ đồ khu nhà vệ sinh của nhà trường		Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	2	[H3-3.4-02]	Giấy kiểm nghiệm nước	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên y tế	Nhân viên y tế
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác	Năm 2017 đến năm học 2022	Dịch vụ Công Ích xã Tân Xuân	Nhân viên kế toán
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Biên bản tài trợ dịch vụ Internet	Năm 2018, 2019, 2020 , 2021, 2022	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán
	2	[H3-3.5-02]	Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên Thư viện-thiết bị	Nhân viên Thư viện-thiết bị
	3	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê thiết bị	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên Thư viện-thiết bị	Nhân viên Thư viện-thiết bị
	4	[H3-3.5-04]	Sổ lưu chứng từ mua đồ dùng dạy học	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên Thư viện-thiết bị	Nhân viên Thư viện-thiết bị
	5	[H3-3.5-05]	Kế hoạch hoạt động thư viện - thiết bị	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên Thư viện-thiết bị	Nhân viên Thư viện-thiết bị
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục các loại sách, báo, tài liệu	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên Thư viện-thiết bị	Nhân viên Thư viện-thiết bị
	2	[H3-3.6-02]	Sổ theo dõi việc cho mượn sách	Năm học 2017-2018 đến	Nhân viên	Nhân viên

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022	Thư viện-thiết bị	Thư viện-thiết bị
	3	[H3-3.6-03]	Danh mục sách báo, tài liệu được bổ sung cho thư viện nhà trường hàng năm	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên Thư viện-thiết bị	Nhân viên Thư viện-thiết bị
	4	[H3-3.6-04]	Hoá đơn mua sách báo hoặc phiếu xuất, nhập kho	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Nhân viên Thư viện-thiết bị	Nhân viên Thư viện-thiết bị
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Biên bản các cuộc họp Cha mẹ học sinh các lớp	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Nghị quyết chi bộ	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Bí thư chi bộ	Bí thư chi bộ
	2	[H4-4.2-02]	Danh sách học sinh nhận học bổng hoặc hỗ trợ chi phí học tập	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng-Tổng phụ trách	Hiệu trưởng-Tổng phụ trách
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, tháng, tuần	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.1-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên môn	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.1-03]	Biên bản họp chuyên môn trường	Năm học 2017-2018 đến	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022		
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Thời khóa biểu	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch lên lớp của tổ chuyên môn	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.2-03]	Hệ thống quản lý giáo dục (cổng cơ sở dữ liệu ngành)	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng, Giáo viên phụ trách.	Phó hiệu trưởng, Giáo viên phụ trách
	4	[H5-5.2-04]	Kế hoạch Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu của Phó hiệu trưởng và Tổ chuyên môn	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch tổ chức cho học sinh tham quan hằng năm	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt động nhà trường	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	4	[H5-5.3-04]	Sổ dự giờ của giáo viên	Năm học 2017-2018 đến	Giáo viên	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021-2022		
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tuyển sinh	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Bảng thống kê kết quả đánh giá, xếp loại học sinh hàng năm	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Hồ sơ xét duyệt học sinh lên lớp - thi lại - ở lại Hồ sơ xét duyệt hoàn thành chương trình lớp học	Năm học 2017-2018 đến Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng